

Bản án số: **13 /2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 17/6/2020

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**
 2. Ông Vũ Mạnh Huê

- Thư ký phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lan Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2020/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc: Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trương Thị Minh L**; Sinh năm: 1967; Hộ khẩu thường trú: Số 15 Ngõ H, phường N T N, quận H B Tr, Hà Nội; Hiện cư trú tại: Số 10/36 H V, phường Đ Nh, quận H B Tr, Hà Nội. (*Bà L có mặt tại phiên tòa*)

2. Bị đơn: **Ông Phạm Quốc C**; Sinh năm: 1967; Hộ khẩu thường trú: Số 5 X Ch, phường Đ Nh, quận H B Tr, Hà Nội; Hiện cư trú tại: Số 10/36 H V, phường Đ Nh, quận H B Tr, Hà Nội. (*Ông C vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 27/11/2019 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn – bà Trương Thị Minh L trình bày:

Bà và ông Phạm Quốc C lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 21/01/1991 tại UBND phường N T N, quận H B Tr, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, trước đó cả hai đều chưa ai có vợ, có chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2005 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp trong tâm lý và sinh lý. Năm 2010 bà đã có đơn xin ly hôn gửi TAND quận Hai Bà Trưng. Tòa án đã hòa giải nên vợ chồng lại chung sống với nhau. Tuy nhiên, sau thời gian đó mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, do tâm sinh lý không được đáp ứng nên gây cáu gắt và cãi vã dẫn đến không có sự tương tác giữa hai vợ chồng, không còn tình cảm, chỉ trao đổi với nhau những vấn đề cần thiết ngoài ra không chia sẻ gì. Tình trạng này kéo dài hơn chục năm nay, bà đã cố gắng nhiều và tìm giải pháp bằng cách nói chuyện hay sống ly thân nhưng vẫn không có kết quả. Vợ chồng hiện không ngủ chung, không ăn chung, không nói chuyện với nhau mặc dù vẫn sống cùng một nhà. Quá trình chung sống vợ chồng, ông C cũng không có nghề nghiệp ổn định, không đóng góp về kinh tế trong việc xây dựng gia đình. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/02/2020 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – ông Phạm Quốc C trình bày:

Về hôn nhân: Ông thống nhất với lời khai của bà L về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung tại số 10/36 Hương Viên, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội từ đó cho đến nay. Quá trình vợ chồng chung sống, bà L có những lời nói, hành động, hành xử khiến ông cảm thấy vợ chồng không có sự hòa hợp, bà L không hiểu tính cách, suy nghĩ, cảm xúc của ông khiến cho vợ chồng không có được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Ông đã nhiều lần góp ý nhưng bà L không hiểu và thay đổi. Vợ chồng tuy không cãi vã, chửi bới nhau nhưng hai người không thấu hiểu nhau nên tình cảm nguội dần, dẫn đến việc không khí giữa vợ chồng có sự nặng nề. Ông hiểu vì lý do đó mà bà L đã làm đơn xin ly hôn. Ông rất mong gia đình hạnh phúc và bà L thay đổi suy nghĩ để vợ chồng đoàn tụ. Bản thân ông cũng sẽ cố gắng thay đổi suy nghĩ để vợ chồng hiểu nhau hơn, thực tế ông vẫn còn yêu bà L và gia đình, ông muốn Tòa án hòa giải và bà L suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc, vun vén cho gia đình, con cái. Một lý do khác là thời gian vừa rồi

gia đình, công việc của ông không thuận lợi nên ông suy nghĩ nhiều và mắc bệnh trầm cảm hơn chục năm nay, vì vậy cũng không có sự quan tâm, chia sẻ nhiều với vợ. Ông cũng biết như vậy là thiệt thòi cho vợ mình, ông sẽ cố gắng khắc phục và mong muốn bà L suy nghĩ lại để ông có cơ hội thay đổi, gia đình hạnh phúc hơn. Ông đề nghị bà L tạo điều kiện, cho ông thời gian để ông khắc phục những thiếu sót trong thời gian qua. Ông không đồng ý ly hôn.

Bà L và ông C cùng thống nhất trình bày về con chung, tài sản chung, công nợ như sau:

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Phạm Hiếu Tr, sinh ngày 30/7/1991; Phạm Công Th, sinh ngày 10/11/1996. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, ông bà không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn - bà L vẫn giữ nguyên vọng xin ly hôn. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông C vì vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, từ lâu không có sự chia sẻ, quan tâm đến nhau, tuy sống cùng một nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung, không nói chuyện với nhau, không khí trong gia đình vô cùng nặng nề, rất mệt mỏi, không thể tiếp tục duy trì được nữa, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2010 bà đã nộp đơn ra Tòa nhưng Tòa án hòa giải và bà đã rút đơn về, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 54/2010/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2010. Nhưng kể từ khi bà rút đơn về, cuộc sống vợ chồng không hề thay đổi. Bà đã suy nghĩ kỹ và kiên quyết xin ly hôn để giải phóng mình khỏi cuộc sống nặng nề hiện nay. Về con chung, tài sản chung, nhà ở chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, công khai chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố

tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, đảm bảo thời hạn xét xử. Những người tham gia tố tụng trong vụ án đã được đảm bảo đầy đủ các quyền tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Ông C vắng mặt tại phiên tòa ba lần không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L. Về con chung, bà L, ông C có hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không xét. Về tài sản chung, nhà ở chung, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về công nợ, ông bà xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xét. Về án phí, bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại số 10/36 Hương Viên, phường Đồng Nhân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Phạm Quốc C theo quy định pháp luật nhưng ông C vẫn vắng mặt ba lần không có lý do chính đáng, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: bà Trương Thị Minh L và ông Phạm Quốc C lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 21/01/1991 tại UBND phường N T N, quận H B Tr, Hà Nội trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết, bà L tha thiết xin ly hôn vì cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn, căng thẳng nặng nề đã lâu, vợ chồng không cãi vã, chửi bới nhau nên tổ dân phố không biết và không phải hòa giải nên bà không yêu cầu Tòa án xác minh thu thập chứng cứ là tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương.

Ông C không đồng ý ly hôn vì vẫn yêu bà L và mong muốn gia đình đoàn tụ để con cái trưởng thành.

Xét thấy: bà L, ông C đều thống nhất xác nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hòa hợp trong cuộc sống, không hiểu tính cách, suy nghĩ của nhau nên không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng tuy không cãi vã, chửi bới nhau nhưng do không thấu hiểu nhau nên tình cảm nguội dần, dẫn đến không khí trong gia đình nặng nề. Mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L, ông C đã phát sinh từ lâu, kéo dài trong suốt một thời gian dài. Năm 2010 bà L đã nộp đơn xin ly hôn, ông C không đồng ý ly hôn và được Tòa án hòa giải nên bà L rút đơn về, Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 54/2010/QĐST-HNGĐ ngày 23/7/2010 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng- thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, kể từ sau thời gian đó, mối quan hệ vợ chồng vẫn không được cải thiện, cuộc sống hôn nhân vẫn nặng nề, không thể hòa giải nên đến nay bà L lại nộp đơn xin ly hôn. Ông C cũng thừa nhận những mâu thuẫn, căng thẳng trong hôn nhân, ông mong muốn được khắc phục tình trạng này nên không đồng ý ly hôn. Quá trình Tòa án hòa giải, ông C đề nghị cho ông thời gian để tìm cách cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Mặc dù đã được bà L và Tòa án tạo điều kiện nhưng ông C cũng không có biện pháp tích cực nào nên bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông C không tham gia và thực hiện đầy đủ các yêu cầu Tòa án trong các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa với mục đích để hòa giải vợ chồng; qua đó cũng thấy rằng ông C không hoàn toàn cố gắng, nỗ lực trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà L.

Có thể thấy, quá trình chung sống bà L, ông C tuy không cãi vã to tiếng nhưng mâu thuẫn âm ỉ trong nội tại cuộc hôn nhân, tuy vẫn chung sống dưới một mái nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không có sự chia sẻ, quan tâm, yêu thương nhau, không coi nhau là vợ chồng, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, ý kiến của ông C không có cơ sở chấp nhận, yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Bà L và ông C có hai con chung tên là Phạm Hiếu Tr, sinh ngày 30/7/1991; Phạm Công Th, sinh ngày 10/11/1996. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Bà L, ông C không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra ông bà không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà L, ông C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 3 Điều 203; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trương Thị Minh L đối với ông Phạm Quốc C. Bà L được ly hôn ông C.

2. Về con chung: Bà L và ông C xác nhận có hai con chung tên là Phạm Hiếu Tr, sinh ngày 30/7/1991; Phạm Công Th, sinh ngày 10/11/1996. Hai con chung đã đủ tuổi trưởng thành, sức khỏe bình thường nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về công nợ: Bà L, ông C không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, ông bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Bà Trương Thị Minh L phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0003248 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bà Trương Thị Minh L, vắng mặt ông Phạm Quốc C. Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
 - VKSND Q.Hai Bà Trưng;
 - TAND TP.Hà Nội;
 - VKSND TP.Hà Nội;
 - Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
 - UBND P.N T N, Q.H B Tr, Hà Nội
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 21/01/1991)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

